

Số: /KH-UBND

Nam Hồng Lĩnh, ngày tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 của địa bàn Nam Hồng Lĩnh

Thực hiện Kế hoạch số 120/KH-SYT ngày 12/01/2026 của Sở Y tế Hà Tĩnh về việc thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2022-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Ủy ban nhân dân phường Nam Hồng Lĩnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp với từng đối tượng, địa phương, vùng miền, dân tộc; tăng cường kiểm soát tình trạng thừa cân, béo phì, góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người dân trên địa bàn tỉnh.

Tầm nhìn đến năm 2045: Mọi người dân đạt được tình trạng dinh dưỡng tối ưu, kiểm soát các bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng nhằm góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thực hiện chế độ ăn đa dạng, hợp lý và an ninh thực phẩm cho mọi lứa tuổi, mọi đối tượng theo vòng đời

- Tỷ lệ trẻ 6 - 24 tháng có chế độ ăn đúng, đủ đạt 80% vào năm 2028 và đạt 85% vào năm 2030.

- Tỷ lệ người trưởng thành tiêu thụ đủ số lượng rau quả hàng ngày đạt 60% vào năm 2028 và đạt 70% vào năm 2030.

- Tỷ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa giảm dưới 5% vào năm 2030.

- Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường thực hiện thực đơn theo Quyết định số 3958/QĐ-BYT ngày 25/12/2025 của Bộ Y tế đáp ứng nhu cầu về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt 95% ở khu vực thành thị và 85% ở khu vực nông thôn vào năm 2030.

- Tỷ lệ cơ sở khám chữa bệnh (bệnh viện/TTYT/TYT) tổ chức thực hiện các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng, bệnh lý cho người bệnh đạt 100% đối với cấp cơ bản, 80% đối với cấp ban đầu vào năm 2030.

- Tỷ lệ phường có triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con nhỏ dưới 02 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe do Trạm Y tế phường thực hiện đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

2.2. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và thanh thiếu niên

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 12,6% vào năm 2028 và 12% vào năm 2030.

- Giảm tỷ lệ thể gầy còm ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 4,5% vào năm 2028 và dưới 4% vào năm 2030

- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt mức > 90% vào năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt >60% vào năm 2030.

- Đến năm 2030, chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi theo giới tăng từ 2-2,5cm đối với nam và 1,5-2cm đối với nữ so với năm 2020.

2.3. Kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây nhiễm, các yếu tố nguy cơ có liên quan ở trẻ em, thanh thiếu niên và người trưởng thành

- Không chế tỷ lệ thừa cân béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi ở mức dưới 7% ở nông thôn và dưới 10% ở thành thị; trẻ 5-18 tuổi ở mức dưới 15% (khu vực thành phố ở mức dưới 20% và khu vực nông thôn ở mức dưới 10%); từ năm 2026 duy trì tỷ lệ thừa cân béo phì ở người trưởng thành 19-64 tuổi ở mức dưới 20% (khu vực thành phố ở mức dưới 23% và khu vực nông thôn ở mức dưới 15%).

- Lượng muối tiêu thụ trung bình của dân số (15-49) giảm xuống dưới 7 gam/ ngày vào năm 2030

2.4. Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ

- Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai giảm xuống dưới và dưới 17% vào năm 2030..

- Tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em nữ 10-14 tuổi ở khu vực miền núi giảm xuống dưới 9% vào năm 2030..

- Tỷ lệ thiếu Vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ 6-59 tháng tuổi giảm xuống 7% vào năm 2030..

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có i-ốt hằng ngày tăng lên 90% vào năm 2030..

2.5. Nâng cao khả năng ứng phó dinh dưỡng trong mọi tình huống khẩn cấp tại đơn vị

- Từ năm 2026 duy trì tỷ lệ 100% phường có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có kế hoạch ứng phó, tổ chức đánh giá, triển khai can thiệp dinh dưỡng đặc hiệu trong tình huống khẩn cấp

- Từ năm 2026 duy trì tỷ lệ 100% phường có phân bổ ngân sách địa phương hàng năm bảo đảm cho các hoạt động dinh dưỡng và dinh dưỡng khẩn cấp theo kế hoạch được phê duyệt.

2.6. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng tại cộng đồng, cơ sở giáo dục và cơ sở y tế

- 100% cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến phường và cộng tác viên dinh dưỡng được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng.

- 100% cơ sở khám chữa bệnh cấp cơ bản, 80% cơ sở khám chữa bệnh cấp ban đầu có cán bộ dinh dưỡng tiết chế và thực hiện tư vấn, kê thực đơn dinh dưỡng cho điều trị một số nhóm bệnh và đối tượng đặc thù.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN:

1. Đối tượng: Bà mẹ, trẻ em, thanh thiếu niên, phụ nữ có thai, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ và người trưởng thành

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn toàn phường

III. CÁC NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp trong thực hiện cơ chế, chính sách về dinh dưỡng

- Thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì các cấp. Lòng ghép các hoạt động phòng, chống suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì với các dự án, chương trình khác đang được triển khai, thực hiện trên địa bàn.

- Phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo triển khai các hoạt động dinh dưỡng học đường, phòng chống suy dinh dưỡng và thừa cân béo phì cho học sinh trong các trường học, đặc biệt là các trường mầm non, tiểu học; đảm bảo môi trường an toàn và tăng cường thể lực cho học sinh; truyền thông nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng hợp lý, an toàn vệ sinh thực phẩm; cân, đo, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh.

- Kiện toàn lại mạng lưới chương trình phòng chống suy dinh dưỡng từ phường đến các TDP. Tăng cường năng lực cho cán bộ chuyên trách về công tác phòng, chống suy dinh dưỡng các cấp.

- Đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi, gầy còm, thừa cân béo phì của trẻ dưới 5 tuổi là một trong những chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của phường và của từng địa phương.

- Triển khai có hiệu quả hoạt động Cải thiện dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường hỗ trợ và hướng dẫn việc thực hiện dinh dưỡng hợp lý, nhất là can thiệp dinh dưỡng tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực miền núi, đặc biệt là trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ có thai.

- Đẩy mạnh quản lý và cảnh báo những ảnh hưởng đến sức khỏe đối với các thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt, phụ gia thực phẩm...

- Thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về kiểm tra, giám sát công tác dinh dưỡng từ phường đến tuyến cơ sở, bảo đảm an toàn thực phẩm tại trường học, nơi làm việc, cơ sở sản xuất các sản phẩm dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe, các quy định về sản xuất và kinh doanh thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng.

2. Nâng cao năng lực nguồn nhân lực

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng bảo đảm tính bền vững, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng và nhân viên y tế thôn bản ở tuyến y tế cơ sở; chuẩn hóa cán bộ làm công tác dinh dưỡng lâm sàng.

- Xây dựng tài liệu và thực hiện các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ thích hợp nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực thực hiện công tác dinh dưỡng, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ các cấp có trình độ chuyên sâu về dinh dưỡng.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội liên quan về triển khai lồng ghép các hoạt động dinh dưỡng trong các chương trình, dự án của phường.

3. Các hoạt động chuyên môn kỹ thuật can thiệp dinh dưỡng

3.1. Cải thiện chất lượng bữa ăn, đảm bảo an toàn thực phẩm và an ninh dinh dưỡng:

- Xây dựng và phổ biến về nhu cầu khuyến nghị dinh dưỡng, tháp dinh dưỡng, lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, thực đơn, khẩu phần, chế độ dinh dưỡng đảm bảo an ninh thực phẩm và hoạt động thể lực phù hợp cho mọi đối tượng.

- Tư vấn cho người dân sử dụng thực phẩm đa dạng, lành mạnh, giàu dinh dưỡng; hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm và chất lượng bữa ăn tại hộ gia đình; sản xuất, chế biến và sử dụng các loại thực phẩm an toàn sẵn có ở địa phương, bảo đảm sản xuất, lưu thông, phân phối và sử dụng thực phẩm an toàn.

3.2. Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em

- Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án và mô hình can thiệp dinh dưỡng thiết yếu như: Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời (chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục bú mẹ đến 24 tháng hoặc lâu hơn); theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em; quản lý và điều trị cho trẻ em bị suy dinh dưỡng cấp tính; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em: Bổ sung Vitamin A liều cao cho trẻ từ 6-59 tháng tuổi 2 lần/ năm; Tẩy giun cho trẻ từ 24 tháng tuổi đến - 60 tháng tuổi 2 lần/ năm; bảo đảm nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường.

- Triển khai cung ứng các dịch vụ tư vấn, phục hồi dinh dưỡng, mô hình can thiệp phòng chống thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây và các yếu tố nguy cơ có liên quan tại các tuyến.

3.3. Thực hiện hoạt động dinh dưỡng học đường tại trường học

- Phối hợp với Phòng văn hoá Xã hội triển khai Quyết định số 3958/QĐ-BYT ngày 25/12/2025 của Bộ Y tế về việc Ban hành Hướng dẫn dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường; nâng cao chất lượng giáo dục dinh dưỡng học đường, tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi, vùng, miền (đối với các trường học có tổ chức ăn bán trú); quan tâm đến dinh dưỡng hợp lý cho lứa tuổi vị thành niên, xây dựng các mô hình truyền thông phù hợp cho học sinh và cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm có lợi cho sức khỏe; phòng, chống bệnh không lây nhiễm, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh.

3.4. Thực hiện hoạt động dinh dưỡng tại bệnh viện: Thực hiện đúng quy định về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện theo Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BYT ngày 09/12/2025 của Bộ Y tế. Đảm bảo sàng lọc yếu tố nguy cơ dinh dưỡng, tư vấn, chỉ định chế độ dinh dưỡng cho người bệnh ngoại trú; Khám, chẩn đoán, đánh giá tình trạng dinh dưỡng, chỉ định điều trị và theo dõi tình trạng dinh dưỡng cho người bệnh nội trú; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại bếp ăn bệnh viện.

3.5. Tăng cường triển khai hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp:

- Chủ động xây dựng kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp về dinh dưỡng, phối hợp với Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn trong việc ứng phó khẩn cấp về dinh dưỡng.

- Tổ chức điều tra, đánh giá tình trạng dinh dưỡng và các yếu tố ảnh hưởng khi có thiên tai, tình huống khẩn cấp về dinh dưỡng.

- Tổ chức khám sàng lọc phân loại trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cấp tính vào các đợt cân đo trẻ theo định kỳ và tại vùng thiên tai xảy ra tình huống khẩn cấp về dinh dưỡng.

4. Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng

- Biên soạn các nội dung truyền thông về chương trình dinh dưỡng tại cộng đồng. Tăng cường phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông, bao gồm truyền thông đại chúng, truyền thông lưu động, loa đài, tin, bài, phóng sự, tờ rơi, pano, internet, mạng xã hội.

- Hướng dẫn về kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ y tế và liên ngành làm công tác chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ trẻ em cấp phường/TDP/thôn theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến phù hợp với thực tế địa phương và tính chất nội dung đào tạo.

- Tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp tại thôn/TDP trong Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Vi chất dinh dưỡng, ngày tiêm chủng... theo điều kiện và kế hoạch của địa phương và dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ Y tế, Sở Y tế hàng năm.

5. Hoạt động về kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện

- Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát, khảo sát và đánh giá thực hiện chương trình theo thông tư hướng dẫn của Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2026-2030.

- Theo dõi và báo cáo các chỉ số giám sát quá trình triển khai hoạt động cho Sở Y tế, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh.

6. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ về dinh dưỡng:

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giám sát, thống kê, báo cáo về công tác dinh dưỡng trên hệ thống phần mềm

- Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ về dinh dưỡng, thực phẩm phù hợp cho người dân.

- Tăng cường phát triển kỹ thuật và nghiên cứu mô hình ứng dụng khoa học công nghệ cao phục vụ công tác dinh dưỡng.

IV. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

- Nguồn kinh phí sự nghiệp Y tế hàng năm được giao theo phân cấp ngân sách, nguồn kinh phí xã hội hóa và nguồn hợp pháp khác.

- Kinh phí từ nguồn dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022-2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội; hoạt động Cải thiện dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Các phòng chức năng UBND phường

- Phòng Văn hoá Xã hội: Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tham mưu Lãnh đạo UBND chỉ đạo, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch của đơn vị, địa phương.

- Phòng Kinh tế, đô thị và hạ tầng: Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát sử dụng nguồn kinh phí của đơn vị đã được phê duyệt theo qui định hiện hành

2. Trạm Y tế

- Là cơ quan chuyên môn làm đầu mối triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch có hiệu quả.

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, đơn vị chỉ đạo, tổ chức triển khai việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến dưới và các ban ngành đoàn thể liên quan.

- Xây dựng các tài liệu, hướng dẫn kỹ thuật về cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho mọi lứa tuổi để truyền thông, tư vấn; các chuyên mục để thông tin, tuyên truyền và vận động thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý để cải thiện tình trạng dinh dưỡng phù hợp cho mọi đối tượng.

- Phối hợp với bộ phận an toàn vệ sinh thực phẩm tập huấn các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm cho cán bộ y tế các cấp. Triển khai hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn của người lao động tại một số ngành nghề, cơ sở lao động nhất là ngành nghề nặng nhọc, độc hại; giám sát việc thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm tại các bếp ăn tập thể: như các trường học; các cơ sở lao động..., hạn chế thấp nhất các vụ ngộ độc thực phẩm.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện mô hình nông nghiệp dinh dưỡng, hướng dẫn đảm bảo an ninh thực phẩm và chất lượng bữa ăn tại hộ gia đình.

- Định kỳ kiểm tra, giám sát, hỗ trợ tuyến dưới trong việc triển khai chương trình dinh dưỡng; đánh giá kết quả triển khai thực hiện các hoạt động của Kế hoạch; đánh giá tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi báo cáo Sở y tế, Viện dinh dưỡng theo quy định.

3. Các bệnh viện, trung tâm y tế

- Thực hiện đúng quy định về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện. Xây dựng phác đồ, hướng dẫn chuyên môn về dinh dưỡng điều trị, dinh dưỡng lâm sàng, tiết chế tại các cơ sở khám, chữa bệnh, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm tại bếp ăn bệnh viện.

- Tổ chức truyền thông, tư vấn dinh dưỡng cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân tại cơ sở khám chữa bệnh

- Triển khai các qui định về dinh dưỡng trong bệnh viện như thực hiện tiêu chí dinh dưỡng và nuôi con bằng sữa mẹ trong Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện

4. Ủy ban nhân dân phường

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2026-2030 của địa phương phù hợp với tình hình thực tế.

- Chỉ đạo các Trạm Y tế triển khai các hoạt động chuyên môn về dinh dưỡng tại cộng đồng, bao gồm:

+ Chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời (chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục bú mẹ cho trẻ em từ 6 đến 24 tháng hoặc lâu hơn); theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em; quản lý và điều trị cho trẻ em bị suy dinh dưỡng cấp tính; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em; bảo đảm nước sạch, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường.

+ Tư vấn, phục hồi dinh dưỡng, phòng chống thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh mạn tính không lây cho mọi lứa tuổi và các yếu tố nguy cơ có liên quan tại cộng đồng

+ Khuyến khích các hộ gia đình sử dụng muối i-ốt hoặc gia vị mặn có i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hàng ngày và các sản phẩm, thực phẩm chứa nhiều vi chất dinh dưỡng.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường truyền thông về phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú... đảm bảo an ninh thực phẩm hộ gia đình, an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Triển khai các hoạt động về cải thiện dinh dưỡng cho các đối tượng tại cộng đồng

+ Tổ chức điều tra, cân, đo, thu thập số liệu để đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho các đối tượng tại cộng đồng; thực hiện bổ sung đa vi chất cho trẻ em theo qui định, hướng dẫn của Bộ Y tế và các đơn vị y tế tuyến trên.

+ Tăng cường truyền thông, tư vấn dinh dưỡng, thực hành dinh dưỡng tại cộng đồng. Triển khai có hiệu quả Tuần lễ thế giới nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển, Ngày vi chất dinh dưỡng...

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, hàng năm trước ngày 20/12 báo cáo kết quả thực hiện gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật để tổng hợp, báo cáo Sở Y tế.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2026 - 2030 của phường Nam Hồng Lĩnh, đề nghị các phòng, ban, đơn vị liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị các phòng, ban, đơn vị phản ánh, báo cáo kịp thời về UBND phường Nam Hồng Lĩnh (qua Phòng Văn hoá - Xã hội) để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (để báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Văn phòng HDND và UBND phường;
- Trạm Y tế;
- Lưu: VT, VHXXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Thanh Định